

Bản án số: 03/2017/KDTM-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân.

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D; địa chỉ: Số 05 Trần H, phường C, quận H1, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1985; cư trú tại đội 01, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; Chức vụ: Trưởng Phòng Giao dịch A, Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D - Chi nhánh Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền số 0801/2017/UQ-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017); có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1961; cư trú tại thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Thê T2, sinh năm 1955; cư trú tại thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D(gọi tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Đ là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngân hàng và Hộ kinh doanh H2 ký Hợp đồng tín dụng số 0034/2012/HDTD/GPB-HP và Các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng ngày 06 tháng 8 năm 2012. Theo nội dung hợp đồng và Các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng Ngân hàng cho Hộ kinh doanh H2 vay số tiền 340.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi thay đổi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng theo quy định giải ngân. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc được điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm vay chuyển sang quá hạn. Lãi suất phạt bằng 150% lãi suất vay trong hạn của khoản vay được xác định tại thời điểm chậm trả.

Thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi hàng tháng nội dung cụ thể theo khế ước nhận nợ.

Ngày 09 tháng 8 năm 2012, Ngân hàng và Hộ kinh doanh H2 đã ký Khế ước nhận nợ số 0034.01/2012/KUNN/GPB-HP, nội dung: Số tiền vay là 340.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 09 tháng 8 năm 2012 đến ngày 09 tháng 8 năm 2013; lãi suất vay: 16,5%/năm, thay đổi hàng tháng theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh; thời hạn trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi vào ngày 09 hàng tháng, ngày trả nợ gốc cuối cùng: 09 tháng 8 năm 2013.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

Quyền sử dụng 170m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ 38 tại thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị H2 và ông Phạm Thế T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 405719, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05064 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 cho chủ sử dụng là bà Phạm Thị H2.

Giá trị tài sản bảo đảm là 680.000.000 đồng theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0023/2012/HDTC/GPB-HP ngày 06 tháng 8 năm 2012, số công chứng 1726/12.BĐ/493.NA, Quyền số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06 tháng 8 năm 2012.

Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Tài sản bảo đảm trên không đảm bảo cho khoản vay nào khác ngoài Hợp đồng tín dụng số 0034/2012/HDTD/GPB-HP ngày 06 tháng 8 năm 2012. Trước và sau khi ký hợp đồng tín dụng nêu trên, các tài sản trên vẫn giữ nguyên hiện trạng, không bị phá bỏ và chuyển nhượng cho người khác. Hiện tại, ông Phạm Thế T2 và

bà Phạm Thị H2 đang quản lý, sử dụng tài sản ông T2, bà H2 đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Hộ kinh doanh H2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Hộ kinh doanh H2 đã vi phạm hợp đồng tín dụng, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Hộ kinh doanh H2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Hộ kinh doanh H2 mới chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn từ ngày 09 tháng 9 năm 2012 đến ngày 10 tháng 8 năm 2013 là 51.175.828 đồng.

Tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017, Hộ kinh doanh H2 còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

| | |
|------------------|-------------------|
| - Nợ gốc: | 340.000.000 đồng |
| - Lãi trong hạn: | 2.922.746 đồng |
| - Lãi quá hạn: | 283.361.060 đồng |
| Tổng cộng: | 626.283.806 đồng. |

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Hộ kinh doanh H2 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu (gồm tiền nợ gốc và lãi phát sinh) tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017 là: 626.283.806 đồng và kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017, Hộ kinh doanh H2 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi Hộ kinh doanh H2 thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Nếu Hộ kinh doanh H2 không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2 mà ông T2, bà H2 đang sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng, Hộ kinh doanh H2 và bà Phạm Thị H2, ông Phạm Thế T2 như đã nêu ở trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Đối với diện tích đất và tài sản trên đất ông T2, bà H2 đang sử dụng thuộc ngõ đi chung và phần đất thuộc hành lang đường, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Phạm Thế T2, bà Phạm Thị H2, nếu thiếu Hộ kinh doanh H2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị H2: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phạm Thị H2 để bà Phạm Thị H2 đến Tòa án nhân dân huyện A để giải quyết việc Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Phạm Thị H2 nhưng bà Phạm Thị H2 đều vắng mặt không có lý do.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2017, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Thế T2 trình bày: Về việc bà Phạm Thị H2 có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền hay không, ông không biết song ông xác định chữ ký và chữ viết Phạm Thế T2 trong Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0023 ngày 06 tháng 8 năm 2012, trong Biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 06 tháng 8 năm 2012 và trong đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 08 tháng 8 năm 2012 do đại diện Ngân hàng

xuất trình với Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của ông. Do tin tưởng bà Phạm Thị H2 nên ông đã đến Phòng công chứng số 02, thành phố Hải Phòng và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện A để ký tên các văn bản trên mà sơ xuất ông không đọc lại nội dung của văn bản. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với bà Phạm Thị H2, yêu cầu bà Phạm Thị H2 trả số tiền 591.948.668 đồng, trường hợp bà Phạm Thị H2 không trả được nợ, ông không đồng ý yêu cầu của Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án tuyên phát mại tài sản là quyền sử dụng 170m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ 38 tại thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sử dụng của ông và bà Phạm Thị H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T2 đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông T2 và bà H2 đều vắng mặt không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 342, 343, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ các điều 50, 51, 52, 53, 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đối với bà Phạm Thị H2.

Buộc bà Phạm Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền 626.283.806 đồng, trong đó nợ gốc là 340.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017 là 286.283.806 đồng. Kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng

170m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ 38 thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2, nếu thiếu bà Phạm Thị H2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Bà Phạm Thị H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc xác định tư cách đương sự: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Hộ kinh doanh H2 do bà Phạm Thị H2 là đại diện. Xét thấy, trong vụ án này, chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là Hộ kinh doanh H2 do bà Phạm Thị H2 là đại diện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực là đúng. Tuy nhiên, tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện và Tòa án xét xử vụ án là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực không còn quy định chủ thể tham gia giao dịch dân sự là Hộ kinh doanh nữa, nên Tòa án xác định bị đơn trong vụ án là cá nhân bà Phạm Thị H2.

[2]. Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn bà Phạm Thị H2 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” nên theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 0034/2012//HDTD/GPB-HP ngày 06 tháng 8 năm 2012 giữa Ngân hàng và Hộ kinh doanh H2 được hai bên thống nhất thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho Hộ kinh doanh H2 vay số tiền 340.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 0034.01/2012/KUNN/GPB-HP ngày 09 tháng 8 năm 2012. Hộ kinh doanh H2 đã nhận đủ số tiền vay nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do Hộ kinh doanh H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án theo Điều 2, Điều 3 của hợp đồng tín dụng và mục phần I, phần II, mục 20 phần VII và phần X các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Trong vụ án này, bị đơn không đến Tòa án, không có lời khai thể hiện quan điểm của bị đơn trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Song căn cứ lời khai nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã xác định bà Phạm Thị H2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 340.000.000 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc đề nghị Tòa án buộc Hộ kinh doanh H2 (Tòa án xác định bà Phạm Thị H2) phải trả khoản tiền nợ gốc 340.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi: Tại nội dung của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, thì ngày 09 hàng tháng Hộ kinh doanh H2 phải trả số tiền lãi, lãi suất trong hạn được tính quy định trong khế ước nhận nợ cụ thể, được điều chỉnh trong thời gian vay thực tế của bên vay. Trường hợp bên vay không trả nợ đúng hạn, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Hộ kinh doanh H2 đã vi phạm thời hạn trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu Hộ kinh doanh H2 (Tòa án xác định bà Phạm Thị H2 phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ.

Tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017, bà Phạm Thị H2 còn nợ Ngân hàng 340.000.000 đồng nợ gốc và số lãi phát sinh theo nội dung hợp đồng là 286.283.806 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà Phạm Thị H2 phải trả cho Ngân hàng là: 626.283.806 đồng theo như yêu cầu của đại diện nguyên đơn đưa ra.

Kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017, bà Phạm Thị H2 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 0034.01 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Hộ kinh doanh Phạm Thị H2 vay vốn của Ngân hàng không giới hạn ở nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác phát sinh tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2 đã ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba đối với Ngân hàng và Hộ kinh doanh Phạm Thị H2 như sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số: 0023/2012/HDTC-GPB-HP ngày 06 tháng 8 năm 2012, số công chứng: 1726, Quyền số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba, ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 170m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ 38 thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 405719, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05064 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 cho chủ sử dụng là bà Phạm Thị H2. Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba nêu trên được thoả thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba hợp pháp, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Về việc Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T2 có quan điểm khi tham gia ký kết hợp đồng thế chấp ông sơ xuất không đọc lại nội dung là không có cơ sở chấp nhận.

Theo nội dung của hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba nêu trên quy định: *...tài sản thế chấp được xử lý khi đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà bên B/bên vay vốn hoặc bên C/bên thế chấp không thực hiện, thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ trả nợ bên A/ bên nhận thế chấp...* Bà Phạm Thị H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng, và khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu về việc đề nghị Tòa án phát mại tài sản thế chấp hiện do ông T2, bà H2 quản lý sử dụng theo nội dung hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết của Ngân hàng đưa ra là có căn cứ.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 17 tháng 7 năm 2017 cho thấy: Tài sản ông T2, bà H2 đang quản lý, sử dụng ngoài phần lớn diện tích nhà xưởng, chuồng lợn, nhà vệ sinh được xây dựng trên diện tích 170m² đất ông T2, bà H2 được sử dụng hợp pháp đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ông T2, bà H2 còn sử dụng phần đất 16m² thuộc hành lang đường trên đó có một phần diện tích nhà xưởng, cánh cửa vào xưởng, một đoạn tường bao phía Đông, một đoạn tường bao phía tây của thửa đất; phần diện tích đất 32,1m² thuộc ngõ đi chung do Nhà nước quản lý trên đó có một phần nhà xưởng.

Đối với tài sản trên diện tích đất ông T2, bà H2 đang sử dụng thuộc ngõ đi chung và phần đất thuộc hành lang đường thuộc đất công do Nhà nước quản lý không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Tòa án chỉ giải quyết phát mại các tài sản trên diện tích đất 170m² đất ông T2, bà H2 đang sử dụng hợp pháp, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0023/2012 đã ký giữa Ngân hàng, Hộ kinh doanh H2, ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2.

Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2, nếu thiếu bà Phạm Thị H2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào các điều 342, 343, 715, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ vào các điều 50, 51, 52, 53, 54, 56 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ vào Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ vào Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D đối với bà Phạm Thị H2.

Buộc bà Phạm Thị H2 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D số tiền 626.283.806 đồng (sáu trăm hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi ba nghìn tám trăm linh sáu đồng), trong đó nợ gốc là 340.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2017 là 286.283.806 đồng.

Kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2017 hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 0034/2012//HDTD/GPB-HP cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị H2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng thì phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Phạm Thị H2 đối với Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên D, gồm:

Quyền sử dụng 170m² đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 186, tờ bản đồ 38 thôn T1, xã Đ1, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 405719, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05064 do UBND huyện A, thành phố Hải Phòng cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 cho chủ sử dụng là bà Phạm Thị H2.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp ông Phạm Thế T2 và bà Phạm Thị H2, nếu thiếu bà Phạm Thị H2 phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị H2 phải chịu 29.051.352 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng 13.838.973 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai số 4068 ngày 18 tháng 4 năm 2017.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Huế

